

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **94/2023/HNGĐ-ST**
Ngày: 24-7-2023
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ - TỈNH Đ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Thịnh**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Liệu** và bà **Vương Thị Dung**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Huyền Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Đ tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Đức** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2023/TLST-HNGĐ ngày 07/3/2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 83/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Đoàn Thị Kim Q**, sinh năm: 1982

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm: 1980

Cùng địa chỉ: Ấp Cầu Ván, xã Phú Túc, huyện Đ, tỉnh Đ.

(Chị Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Đ vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/11/2022, lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử nguyên đơn chị Đoàn Thị Kim Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đ tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2001 và được UBND xã Phú Túc, huyện Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/5/2001, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh Đ có tính ghen tuông vô cớ, thường xuyên đi theo chị đến công ty để theo dõi xem chị có ngoại tình không, lúc về nhà thì chửi bới đe dọa đuổi mẹ con chị ra khỏi nhà, chính vì mâu thuẫn càng nghiêm trọng nên chị sống ly thân với anh Đ. Nay nhận thấy không còn tình cảm

với anh Đ và quan hệ hôn nhân không thể hàn gắn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 03 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Trúc, sinh ngày 01/3/2002; Nguyễn Thị Thùy Trang sinh ngày 23/11/2007; Nguyễn Thị Bích Trâm sinh ngày 28/5/2011. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Thị Thùy Trang; Nguyễn Thị Bích Trâm và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Riêng con chung Nguyễn Thị Ngọc Trúc sinh ngày 01/3/2002 nay đã trên 18 tuổi, đủ khả năng lao động nuôi sống bản thân nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Q khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để làm việc vì vậy không có lời khai hay lời trình bày của anh Đ.

Để chứng minh cho yêu cầu, ý kiến của mình, nguyên đơn đã nộp kèm theo đơn khởi kiện những tài liệu chứng cứ sau bản sao căn cước công dân và chứng minh nhân dân vợ chồng; bản sao sổ hộ khẩu; hợp đồng lao động, đơn trình bày nguyện vọng của con chung; bản chính giấy chứng nhận kết hôn; bản sao giấy khai sinh con chung; Lời khai của nguyên đơn tại bản tự khai; Đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp Tòa án đã tiến hành sao gửi hợp lệ cho bị đơn.

Để giải quyết vụ án, theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành thu thập những tài liệu, chứng cứ sau: Biên bản xác minh ngày 10/5/2023 về tình trạng hôn nhân của các đương sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn không tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận cho chị Q ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

về con chung: Đề nghị giao con chung Nguyễn Thị Thùy Trang, sinh ngày 23/11/2007; Nguyễn Thị Bích Trâm, sinh ngày 28/5/2011 cho chị Q nuôi dưỡng, về nghĩa vụ cấp dưỡng do chị Q không yêu cầu nên không xem xét. Đối với con chung Nguyễn Thị Ngọc Trúc sinh ngày 01/3/2002 nay đã trên 18 tuổi, đủ khả năng lao động nuôi sống bản thân và chị Q không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Đoàn Thị Kim Q khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ và tranh chấp nuôi con chung Nguyễn Thị Thùy Trang sinh ngày 23/11/2007, Nguyễn Thị Bích Trâm sinh ngày 28/5/2011. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ có nơi cư trú tại: Ấp Cầu Ván, xã Phú Túc, huyện Đ, tỉnh Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn chị Đoàn Thị Kim Q vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Q và anh Đ được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Túc, huyện Đ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/5/2001, do đó đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ.

[4] Đời sống hôn nhân của chị Q và anh Đ không hạnh phúc và mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đ ghen tuông vô cớ, chị Q đi làm công ty anh Đ thường xuyên theo dõi xem chị Q có đi ngoại tình không, rồi về nhà chửi bới, đuổi chị Q ra khỏi nhà. Đến cuối năm 2022 vợ chồng sống ly thân cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng.

[5] Lời khai của nguyên đơn về quá trình chung sống, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của vợ chồng phù hợp với biên bản xác minh về mâu thuẫn vợ chồng. Qua đó có đủ cơ sở xác định vợ chồng chị Q và anh Đ đã có những mâu thuẫn lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn.

[6] Từ lời khai của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ thu thập được nhận thấy chị Q và anh Đ trong quá trình sống chung đã không tôn trọng, thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 18 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 89, 91 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 yêu cầu ly hôn của chị Q đối với anh Đ là có cơ sở chấp nhận.

[7] Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Q và anh Đ có 03 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Trúc sinh ngày 01/3/2002; Nguyễn Thị

Thùy Trang, sinh ngày 23/11/2007; Nguyễn Thị Bích Trâm, sinh ngày 28/5/2011, đối với cháu Trúc đã trên 18 tuổi và đủ khả năng lao động nên chị không yêu cầu giải quyết. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Thị Thùy Trang; Nguyễn Thị Bích Trâm. về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu.

[8] Xét thấy từ khi vợ chồng chị Q và anh Đ không còn sống chung thì con chung do chị Q chăm sóc, nuôi dưỡng. Do con chung quen với môi trường chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giữ nguyên nếp sống sinh hoạt hiện nay nhằm đảm bảo ổn định tâm lý và cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của chị Q điều này phù hợp với quy định của pháp luật. Chị Q không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét mức cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn. Khi nào có tranh chấp về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[9] Về tài sản chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết; về nợ chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết. Đối với anh Đ nếu có yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung với chị Q có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[10] Về án phí: Chị Q là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, do đó chị phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[11] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các điều 18, 89, 91, 92, 93, 94 của Luật Hôn nhân Gia đình năm 2000; Các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 của Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị Kim Q về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với anh Nguyễn Văn Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị Kim Q được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về nuôi con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Thị Thùy Trang, sinh ngày 23/11/2000; Nguyễn Thị Bích Trâm, sinh ngày 28/5/2011 cho chị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời miễn việc cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho anh Đ do chị Q không yêu cầu.

Đối với con chung Nguyễn Thị Ngọc Trúc, sinh ngày 01/3/2002 đã trên 18 tuổi và đủ khả năng lao động nên không xem xét.

Anh Đ có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại. Vì lợi ích của con chung các bên đương sự được quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Tòa án không xem xét, giải quyết; về nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết. Khi nào có tranh chấp về chia tài sản chung và nợ chung sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về án phí: Chị Đoàn Thị Kim Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000 đồng chị Q đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0004129 ngày 07/3/2023 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh Đ được chuyển thành án phí. Chị Q đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Q và anh Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THA huyện Đ;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Phú Túc;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Thịnh